

華語小老師輔導計劃要點

民國 115 年 05 月 05 日 114 學年度第 2 學期第 12 行政會議通過

第一條 輔導小老師之相關規定 Điều khoản 1 Chế độ lương và khen thưởng :

(一)擔任資格：凡入學後修習華語屆滿一年，且在學表現卓越之在校生，並持有華語能力 B1 級證明者。

(二)輔導時薪：每小時支領新台幣 250 元 整，採核實支付。

(三)通過獎勵：累計輔導時數達 20 小時(含)以上，且受輔對象通過華語文能力測驗 (TOCFL)A2 等級(含)以上者，核發該小老師獎助學金每名受輔對象新台幣 500 元 整 (同一位同等級限補助一次)。

(1)Tiêu chuẩn ứng tuyển : Sinh viên đang theo học tại trường, đã học tiếng Trung đủ một năm sau khi nhập học. Có thành tích nổi bật trong quá trình học và sở hữu chứng chỉ năng lực Hoa ngữ trình độ B1.

(2)Chế độ lương: 250 Đài tệ/giờ, chi trả theo số giờ thực tế.

(3) Chế độ khen thưởng: Thời gian phụ đạo phải đạt từ 20 giờ trở lên và học viên thi đậu chứng chỉ TOCFL A2 trở lên thì trợ giảng sẽ được thưởng 500 Đài tệ/học viên (mỗi học viên cùng cấp độ chỉ tính thưởng 1 lần).

第二條 參加學習輔導、點名及請假規定 Điều khoản 2 Quy định về học phụ đạo, điểm danh và nghỉ phép :

(一) 未依規定參與學習輔導者，視同曠課；曠課累計 4 節，經溝通無效者視同放棄輔導機會，請華語老師提出遞補學生。

(二)除病假外，其餘請假概不受理。申請病假者，應檢附就醫相關證明文件。

(1) Những người không tham gia học phụ đạo theo quy định sẽ bị xem là vắng mặt. Số buổi vắng tích lũy đạt 4 buổi sẽ đình chỉ công việc làm thêm. Nếu đã trao đổi nhưng không hiệu quả thì xem như từ bỏ cơ hội phụ đạo, đề nghị giáo viên Hoa ngữ đề xuất sinh viên thay thế..

(2) Ngoài nghỉ phép bệnh, các hình thức xin phép khác đều không được chấp nhận. Trường hợp xin nghỉ bệnh, sinh viên phải nộp giấy chứng nhận khám bệnh (như giấy chẩn đoán hoặc đơn thuốc) để làm minh chứng.

第三條 補課原則 Điều khoản 3 Nguyên tắc bù tiết :

若小老師無法於原定時間進行輔導，需前 3 天於群組內告知，並與學生進行討論協調補課時間，以維護輔導課程之進度。

Nếu trợ giảng không thể tổ chức buổi học theo lịch thời gian đã sắp xếp, cần thông báo trong nhóm trước 3 ngày và trao đổi, thống nhất với học viên về thời gian học bù, nhằm đảm bảo khóa học được diễn ra theo đúng tiến độ.

第四條 本辦法經行政會議通過，陳請校長核定後實施，修正時亦同。Điều khoản 4 Quy định này được thông qua tại cuộc họp hành chính, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành thực hiện, việc sửa đổi cũng thực hiện theo quy trình tương tự.